

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN PC1**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **0544** /CBTT-PC1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh**

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1

- Mã chứng khoán: PC1

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 583 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

- Điện thoại: 024 37343060

- Fax: 024 3823 1997

- Email: [cbtt@pc1group.vn](mailto:cbtt@pc1group.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 công bố thông tin BCTC Riêng và BCTC Hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán và giải trình sự biến động của lợi nhuận sau thuế trên BCTC năm 2022.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày

30 /03/2023 tại đường dẫn: <http://pc1group.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Vũ Ánh Dương**

Số: **0551**/CV-PC1-BTC  
V/v: Giải trình biến động năm 2022  
đã được kiểm toán so với năm 2021

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP HCM

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC về việc “Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán” ngày 16 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 giải trình sự biến động lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 trên BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán so với năm 2021 như sau:

**1. Biến động lợi nhuận trên kết quả kinh doanh BCTC riêng**

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 là 667,9 tỷ đồng tăng 357 tỷ đồng so với năm 2021, tương ứng với mức tăng 114,8% chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Lĩnh vực Năng lượng: Doanh thu bán điện tăng cũng góp phần làm lợi nhuận gộp năm 2022 tăng so với năm trước.
- Lĩnh vực Tổng thầu xây lắp công trình điện và thiết bị ngành điện: Các công trình thực hiện trong năm, bao gồm các dự án mới và một số dự án quyết toán có biên lợi nhuận gộp cải thiện hơn so với năm trước.

**2. Biến động lợi nhuận trên kết quả kinh doanh BCTC hợp nhất**

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 trên báo cáo KQKD hợp nhất năm 2022 là 536,9 tỷ đồng giảm 227,4 tỷ đồng so với năm 2021, tương ứng với mức giảm 29,75% chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Chi phí tài chính năm 2022 tăng so với năm trước: (i) 03 dự án điện gió đi vào vận hành nên chi phí lãi vay phát sinh không còn được vốn hóa; (ii) Tỷ giá VND/USD có xu hướng tăng từ đầu năm 2022 làm gia tăng chi phí tài chính khi đánh giá chênh lệch tỷ giá; (iii) Lãi suất vay ngắn hạn trung bình năm 2022 cao hơn năm trước.
- Doanh thu hoạt động tài chính thấp hơn năm trước chủ yếu do năm 2021 ghi nhận doanh thu HĐTC 262 tỷ đồng do đánh giá lại khoản đầu tư khi PC1 tăng tỷ lệ đầu tư (Công ty CP Khoáng sản Tấn Phát) từ Công ty liên kết thành Công ty con.
- Lãi trong công ty liên doanh, liên kết năm 2022 giảm so với năm trước.

Rất mong nhận được sự quan tâm giúp đỡ và hợp tác của Quý cơ quan.

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- B.KTNB (P/h);
- Lưu VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN**  
**PC1**  
Vũ Anh Dương



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2022





**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số**

0100100745

ngày 15 tháng 12 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 15 tháng 12 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trịnh Văn Tuấn  
Ông Vũ Ánh Dương  
Ông Võ Hồng Quang  
Ông Nguyễn Minh Đệ  
Ông Mai Lương Việt

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Vũ Ánh Dương  
Ông Đặng Quốc Tường  
Ông Võ Hồng Quang  
Ông Nguyễn Nhật Tân  
Ông Nguyễn Minh Đệ  
Ông Vũ Văn Tứ

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 28/1/2022)

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Hải Hà  
Ông Hoàng Văn Cường  
Ông Hoàng Văn Sáng

Trưởng Ban  
Thành viên  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Số 18 Lý Văn Phúc  
Phường Cát Linh, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 56 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Anh Dương  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, **30-03-2023**

THÀNH  
HÀNH  
K  
/



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30-03-2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 56.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00109-23-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0557-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **30-03-2023**

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2023-007-1

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>4.751.057.995.296</b>	<b>4.280.149.404.002</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>1.681.934.406.899</b>	<b>1.358.886.612.081</b>
Tiền	111		16.934.406.899	27.886.612.081
Các khoản tương đương tiền	112		1.665.000.000.000	1.331.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>172.848.897.548</b>	<b>140.791.658.746</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	172.848.897.548	140.791.658.746
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.569.352.921.562</b>	<b>2.545.435.339.789</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.884.327.840.886	1.761.013.705.237
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	189.688.812.040	220.813.526.684
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	119.556.381.433
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	307.154.252.902	213.378.473.900
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	193.715.889.515	237.497.814.548
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(5.533.873.781)	(6.824.562.013)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>278.591.915.964</b>	<b>233.383.972.887</b>
Hàng tồn kho	141		278.591.915.964	233.383.972.887
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>48.329.853.323</b>	<b>1.651.820.499</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.216.590.029	295.877.083
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		47.113.263.294	2.943.416
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	1.353.000.000
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>7.713.453.245.889</b>	<b>5.842.386.703.217</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.154.173.907.592</b>	<b>2.255.669.554.997</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.152.329.841.848	2.253.565.409.650
Nguyên giá	222		2.743.969.150.568	2.721.620.287.625
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(591.639.308.720)	(468.054.877.975)
Tài sản cố định vô hình	227	13	1.844.065.744	2.104.145.347
Nguyên giá	228		2.778.134.000	2.706.470.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(934.068.256)	(602.324.653)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>164.564.664.335</b>	<b>85.285.775.367</b>
Nguyên giá	231		211.710.738.395	125.823.873.019
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(47.146.074.060)	(40.538.097.652)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.859.555.020</b>	<b>3.104.884.127</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	7.859.555.020	3.104.884.127

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.316.208.640.939</b>	<b>3.447.908.583.299</b>
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	3.780.023.737.061	2.810.936.442.092
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5(b)	1.534.748.756.168	424.748.756.168
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	4.821.770.000	214.821.770.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.385.622.290)	(2.598.384.961)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>70.646.478.003</b>	<b>50.417.905.427</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	70.646.478.003	50.417.905.427
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>12.464.511.241.185</b>	<b>10.122.536.107.219</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>7.571.689.071.746</b>	<b>5.853.149.065.508</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.572.245.665.637</b>	<b>4.265.951.114.684</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	1.027.783.835.592	1.468.937.606.097
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	296.844.924.883	100.980.626.480
Thuế và các khoản khác phải nộp				
Nhà nước	313	19	66.601.153.610	25.083.969.152
Phải trả người lao động	314		7.457.277.117	18.561.724.866
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	187.195.114.723	381.759.646.450
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		500.728.365	351.846.593
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	14.892.412.156	35.011.482.907
Vay ngắn hạn	320	22(a)	2.862.060.337.867	2.133.714.530.914
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	108.909.881.324	101.549.681.225
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.999.443.406.109</b>	<b>1.587.197.950.824</b>
Phải trả dài hạn khác	337		2.302.745.180	1.130.770.775
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	22(b)	2.992.770.508.866	1.581.697.027.986
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	4.370.152.063	4.370.152.063

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>4.892.822.169.439</b>	<b>4.269.387.041.711</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>4.892.822.169.439</b>	<b>4.269.387.041.711</b>
Vốn cổ phần	411	26	2.704.330.020.000	2.351.596.490.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.704.330.020.000	2.351.596.490.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		711.136.556.786	711.136.556.786
Quỹ đầu tư phát triển	418		213.577.792.672	198.031.531.421
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		64.632.444.542	64.632.444.542
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.199.145.355.439	943.990.018.962
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		534.909.460.264	633.064.793.941
- LNST năm nay	421b		664.235.895.175	310.925.225.021
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>12.464.511.241.185</b>	<b>10.122.536.107.219</b>

**30 -03- 2023**

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình  
 Người lập biểu

Người duyệt:



Trần Thị Minh Việt  
 Kế toán trưởng



Vũ Anh Dương  
 Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>28</b>	<b>6.447.679.569.839</b>	<b>12.409.678.769.881</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>29</b>	<b>5.428.387.294.571</b>	<b>12.034.095.775.386</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.019.292.275.268</b>	<b>375.582.994.495</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	187.683.514.396	162.909.773.313
Chi phí tài chính	22	31	320.857.828.375	124.322.163.633
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		307.826.610.177	205.966.486.400
Chi phí bán hàng	25	32	9.066.412.831	9.618.851.715
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	109.448.112.782	76.936.734.852
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>767.603.435.676</b>	<b>327.615.017.608</b>
Thu nhập khác	31	34	14.144.111.080	19.756.423.337
Chi phí khác	32		8.431.981.474	8.462.832.380
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>5.712.129.606</b>	<b>11.293.590.957</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>773.315.565.282</b>	<b>338.908.608.565</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>36</b>	<b>105.394.670.107</b>	<b>27.983.383.544</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>667.920.895.175</b>	<b>310.925.225.021</b>

**30 -03- 2023**

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình  
Người lập biểu

Người duyệt:



Trần Thị Minh Việt  
Kế toán trưởng



Vũ Anh Dương  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>773.315.565.282</b>	<b>338.908.608.565</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	136.409.422.776	132.074.359.226
Các khoản dự phòng	03	(503.450.903)	(88.586.044.709)
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	04	316.790.666	989.726.513
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(181.798.025.163)	(144.597.724.267)
Chi phí lãi vay	06	310.937.814.499	205.966.486.400
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1.038.678.117.157</b>	<b>444.755.411.728</b>
Biến động các khoản phải thu	09	76.101.870.476	416.204.208.829
Biến động hàng tồn kho	10	(45.207.943.077)	19.999.445.256
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(447.110.619.834)	145.903.622.759
Biến động chi phí trả trước	12	(21.149.285.522)	(10.595.266.697)
		<b>601.312.139.200</b>	<b>1.016.267.421.875</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(301.926.832.608)	(196.826.324.118)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(51.352.345.098)	(84.327.066.950)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(37.125.567.348)	(18.811.603.972)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>210.907.394.146</b>	<b>716.302.426.835</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(199.099.993.171)	(91.516.122.123)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.768.527.274	10.039.876.060
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	23	(467.263.490.736)	(407.769.059.917)
Tiền thu hồi cho vay, nhận lại tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	24	351.609.718.257	123.046.680.542
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(1.874.636.864.391)	(1.414.665.052.915)
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi trả chậm, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	139.508.216.552	128.091.159.349
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.048.113.886.215)</b>	<b>(1.652.772.519.004)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	57.349.730.000
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu dài hạn	33	6.676.759.562.957	9.485.485.557.926
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.516.506.024.901)	(8.547.529.684.942)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>2.160.253.538.056</b>	<b>995.305.602.984</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>323.047.045.987</b>	<b>58.835.510.815</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.358.886.612.081</b>	<b>1.300.061.223.658</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>748.831</b>	<b>(10.122.392)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>1.681.934.406.899</b>	<b>1.358.886.612.081</b>

**30-03-2023**

Người lập:

Người duyệt:



Phạm Thị Thanh Bình  
Người lập biểuTrần Thị Minh Việt  
Kế toán trưởngVũ Anh Dương  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”) tiền thân là Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm, được thành lập từ ngày 2 tháng 3 năm 1963. Công ty chính thức được cổ phần hóa trở thành công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100100745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005 và thay đổi lần thứ 23 ngày 15 tháng 12 năm 2022.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê bao gồm: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; đầu tư, cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng;
- Sản xuất, chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: sản xuất điện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; và
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây lắp các công trình của Công ty căn cứ theo thời gian đầu tư, thi công của từng công trình, dự án. Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với các hoạt động khác của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

#### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 23 công ty con và 3 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 5(b) (1/1/2022: 24 công ty con và 2 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 5(b)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 270 nhân viên (1/1/2022: 249 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

#### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

#### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và tỷ giá bán chuyển khoản đối với nợ phải trả của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(c) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

##### **(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### **(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ, thành phẩm và hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tính theo phương pháp giá đích danh. Đối với thành phẩm, hàng hóa và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### **(f) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định hữu hình khác	4 – 5 năm





**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí giải phóng mặt bằng**

Chi phí giải phóng mặt bằng thể hiện tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Sông Nhiệm 4. Chi phí giải phóng mặt bằng được ghi nhận theo nguyên giá và được trừ vào tiền thuê đất Công ty phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng.

**(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản, chi phí tư vấn và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

**(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Chi phí bảo hành**

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới công trình xây dựng đã hoàn thành. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự trong ba năm gần nhất.

**(n) Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(v) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa theo biên bản đo số điện và giá điện được quy định cụ thể trong Hợp đồng mua bán điện ký với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(vi) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(vii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(q) Thuê tài sản**

***Các khoản thanh toán thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(r) Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập đến các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	987.855.716	671.131.775
Tiền gửi ngân hàng	15.946.551.183	27.215.480.306
Các khoản tương đương tiền	1.665.000.000.000	1.331.000.000.000
	<b>1.681.934.406.899</b>	<b>1.358.886.612.081</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại hưởng lãi suất 4,6% - 6%/năm (1/1/2022: 3% - 4%/năm).

**5. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2022</b>		<b>1/1/2022</b>	
	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Giá trị</b> <b>hợp lý</b> <b>VND</b>	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Giá trị</b> <b>hợp lý</b> <b>VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	172.848.897.548	172.848.897.548	140.791.658.746	140.791.658.746

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

			31/12/2022		
	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty con					
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1- Đại Mỗ	Hà Nội	100%	5.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	100%	25.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc	Hà Nội	100%	10.236.009.597	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	Hà Nội	100%	30.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông	Hà Nội	100%	5.942.874.315	-	(**)
• Công ty TNHH MTV PC1 Năng Hương	Hà Nội	100%	725.509.851	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai	Hà Nội	100%	5.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	Hà Nội	90%	28.832.168.426	-	(**)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	Điện Biên	60%	151.200.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Hà Nội	99,39%	102.338.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Hà Nội	51,00%	2.550.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Hà Nội	99,83%	184.005.518.217	-	(**)
• Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	Cao Bằng	99,90%	33.966.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	Cao Bằng	51,00%	141.693.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiên Bộ	Hà Nội	99,95%	154.145.058.545	-	(**)
• Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Quảng Trị	55,54%	409.614.856.402	-	(**)
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Quảng Trị	54,70%	412.426.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	Quảng Trị	54,73%	412.479.556.800	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Hà Nội	51,00%	1.876.851.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	Cao Bằng	57,27%	477.590.600.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Sông Gâm	Cao Bằng	99,00%	29.700.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	Hà Nội	99,75%	311.652.469.517	-	(**)
• PC1 Global Trading Pte. Ltd.	Singapore	100%	844.049.264.391	-	(**)
			3.780.023.737.061	-	



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31/12/2022

	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ <b>Công ty liên kết</b>					
• Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	25,09%	124.748.756.168	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	Hà Nội	49,00%	300.000.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Western Pacific (*)	TP Hồ Chí Minh	30,08%	1.110.000.000.000	-	(**)
			1.534.748.756.168	-	
▪ <b>Đơn vị khác</b>					
• Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Hải Dương	10%	4.000.000.000	(3.385.622.290)	(**)
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Hà Nội	0,00115%	821.770.000	-	1.792.236.600
			4.821.770.000	(3.385.622.290)	
			5.319.594.263.229	(3.385.622.290)	

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2022					
	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty con					
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ	Hà Nội	100%	5.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	100%	25.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc	Hà Nội	100%	10.236.009.597	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	Hà Nội	100%	15.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm	Hà Nội	100%	10.549.569.422	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông	Hà Nội	100%	5.942.874.315	-	(**)
• Công ty TNHH MTV PC1 Năng Hường	Hà Nội	100%	725.509.851	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai	Hà Nội	100%	5.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình	Ninh Bình	100%	10.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	Hà Nội	90%	28.832.168.426	-	(**)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	Điện Biên	60%	151.200.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Hà Nội	99,39%	102.338.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Hà Nội	51,00%	2.550.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Hà Nội	99,83%	184.005.518.217	-	(**)
• Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	Cao Bằng	99,90%	33.966.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	Cao Bằng	51,00%	141.693.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	Hà Nội	99,95%	154.145.058.545	-	(**)
• Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Quảng Trị	55,54%	409.614.856.402	-	(**)
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Quảng Trị	54,70%	412.426.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	Quảng Trị	54,73%	412.479.556.800	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Hà Nội	51,00%	1.876.851.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	Cao Bằng	57,27%	347.003.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Sông Gâm	Cao Bằng	99,00%	29.700.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	Hà Nội	99,75%	311.652.469.517	-	(**)
			2.810.936.442.092	-	

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang	758.952.550.730	223.104.376.619
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Nam	181.157.744.624	81.552.967.002
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Trung	67.422.966.473	203.741.139.244
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	58.770.070.370	93.380.035.175
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	-	132.568.743.164
Các khoản phải thu khách hàng khác	818.024.508.689	1.026.666.444.033
	<b>1.884.327.840.886</b>	<b>1.761.013.705.237</b>

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	7.721.940.599	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	3.839.201.000	424.320.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mồ	2.143.980.924	1.320.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai	466.283.010	79.730.710
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc	385.239.654	178.123.133
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	-	2.981.884.400
Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương	-	1.566.274.196
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	-	429.429.763
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	-	191.156.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông	-	9.587.249
Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	-	18.569.808
<b>Công ty con cấp 2</b>		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên - công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	54.229.220.042	74.982.686.249
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	866.995.535	573.965.732
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	72.653.933	-
	<b>69.725.514.697</b>	<b>81.437.047.240</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc	5.102.136.673	-
<b>Công ty con cấp 2</b>		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên - công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	7.448.266.854	-
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện 1 - Ninh Bình - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	6.655.451.501	-
Công ty Cổ phần Thí nghiệm điện ETIK - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	-	31.500.000
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Gia Lộc Phát	95.988.840.482	95.988.840.482
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Chấn Hưng	21.216.637.391	-
Công ty TNHH Xuân An Phú Thọ	10.113.842.440	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Đông Nam	9.576.910.449	5.698.687.600
Công ty TNHH Vestas Wind Technology Việt Nam	-	69.918.260.478
Các khoản trả trước cho người bán khác	33.586.726.250	49.176.238.124
	<b>189.688.812.040</b>	<b>220.813.526.684</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**8. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
<b>Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	78.246.218.878	76.228.767.123
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	70.959.512.950	50.154.950.051
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	70.959.512.949	50.154.950.051
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	25.800.065.445	12.650.863.995
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	22.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	15.000.000.000	-
<b>Công ty con cấp 2</b>		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên - công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	16.302.693.400	16.302.693.400
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện 1	2.886.249.280	2.886.249.280
	<b>307.154.252.902</b>	<b>213.378.473.900</b>

Các khoản phải thu về cho vay có kỳ hạn dưới 12 tháng, không có tài sản bảo đảm và hưởng lãi suất từ 4% đến 6,5%/năm (1/1/2022: từ 6% đến 6,5%/năm).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
Tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng (*)	138.153.857.564	187.254.855.632
Tạm ứng	10.060.161.689	36.740.108.437
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia (**)	32.479.615.863	5.206.594.802
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay (**)	9.354.208.120	3.737.048.530
Phải thu Trần Nhung (Đội xây lắp số 3)	2.151.632.200	2.151.632.200
Phải thu Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1)	418.555.690	418.555.690
Ký cược, ký quỹ	268.380.000	268.380.000
Phải thu về bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	259.555.654	223.268.565
Phải thu khác	569.922.735	1.497.370.692
	<b>193.715.889.515</b>	<b>237.497.814.548</b>

(\*) Đây là các khoản tạm ứng để chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng tại các công trình xây lắp sẽ được chủ đầu tư hoàn trả lại.

(\*\*) Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	32.479.615.863	5.206.594.802
Phải thu lãi cho vay	5.281.795.612	2.056.841.569
	<b>37.761.411.475</b>	<b>7.263.436.371</b>

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và theo thỏa thuận.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Thời gian quá hạn	31/12/2022			Thời gian quá hạn	1/1/2022			
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Nợ quá hạn									
Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1)	Trên 3 năm	418.555.690	(418.555.690)	-	Trên 3 năm	418.555.690	(418.555.690)	-	
Trần Nhung (Đội xây lắp số 3)	Trên 3 năm	2.151.632.200	(2.151.632.200)	-	Trên 3 năm	2.151.632.200	(2.151.632.200)	-	
Công ty Cổ phần Cơ khí và Kết cấu thép Sóc Sơn	Trên 3 năm	2.049.842.044	(2.049.842.044)	-	Trên 3 năm	2.049.842.044	(2.049.842.044)	-	
Tổng Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng	Từ 2 đến dưới 3 năm	500.000.000	(350.000.000)	150.000.000	Từ 1 đến dưới 2 năm	500.000.000	(250.000.000)	250.000.000	
Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng lượng Sạch		-	-	-	Dưới 1 năm	4.635.627.441	(1.390.688.232)	3.244.939.209	
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	563.843.847	(563.843.847)	-	Trên 3 năm	563.843.847	(563.843.847)	-	
		5.683.873.781	(5.533.873.781)	150.000.000			10.319.501.222	(6.824.562.013)	3.494.939.209

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(5.533.873.781)

(6.824.562.013)

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**11. Hàng tồn kho**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	4.190.190.203	-	23.110.700.159	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	271.866.487.415	-	209.553.810.699	-
Hàng hóa	2.535.238.346	-	719.462.029	-
	278.591.915.964	-	233.383.972.887	-

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện:</b>		
HD 2022 Gói 6 Cung cấp xây dựng và lắp đặt Vật tư thiết bị ĐZ 110kV đầu nối LSP Long Sơn	43.463.085.064	-
Gói Tổng thầu thi công Hạ tầng kỹ thuật - KCN Yên Phong II- A, Dự án: Đầu tư xây dựng Hạ tầng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Yên Phong II-A	27.159.635.475	50.000.000
Gói 9 CC XDLD VTTB TBA 110kV Khu công nghiệp Cống Xanh và ĐZ đầu nối tỉnh Bình Dương	14.428.907.373	-
Gói 9: Cung cấp và Xây dựng lắp đặt vật tư thiết bị toàn trạm, Công trình TBA 110kV TP Phú Mỹ và ĐZ đầu nối, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	10.793.048.444	-
Gói 9 lô 9.8 VT54-01 VT61-01 và lô 9.11 VT80-2 VT91-01 Xây lắp Dự án ĐZ500kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi	9.439.117.643	9.310.232.283
Gói thầu số 2XL-TBA500LC thi công xây lắp TBA 500kV Lào Cai Dự án TBA 500kV Lào Cai và các ĐZ220kV đầu nối	9.013.587.358	-
Gói thầu cung cấp kháng điện 110kV-40MVar Dự án: TBA 220kV Tương Dương và đầu nối	-	46.185.724.831
Gói 4 - Xây lắp đường dây từ điểm đầu đến G7 - Dự án ĐZ 500 kV Sông Hậu - Đức Hòa	-	20.132.443.575
Gói thầu: Thiết kế, mua sắm, thi công TBA và ĐZ 220kV - Nhà máy Điện gió Hưng Hải Gia Lai	-	13.769.238.589
Cung cấp vật tư, vật liệu và thi công gói 18: Xây lắp cung đoạn G10-1 đến điểm cuối dự án: TBA 220kV Đông Hà - Lao Bảo và ĐZ 220kV Đông Hà - Lao Bảo	-	6.258.033.509
Các công trình, dự án khác	147.573.676.965	103.117.910.281



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
<b><i>Dự án kinh doanh bất động sản:</i></b>		
Dự án PC1 Bắc Từ Liêm (Khu nhà ở để bán G5-CT2 và G8 - CT3)	7.491.426.417	7.491.426.417
Dự án khu nhà ở PC1 Gia Lâm	2.410.618.176	165.454.545
<b><i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác</i></b>	93.384.500	3.073.346.669
	<hr/>	<hr/>
	271.866.487.415	209.553.810.699

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	1.347.681.558.993	1.203.902.822.459	159.710.404.795	9.371.826.168	953.675.210	2.721.620.287.625
Tăng trong năm	65.000.000	5.070.000.000	-	2.513.239.917	57.200.000	7.705.439.917
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	80.200.000	31.527.850.538	9.716.670.909	-	-	41.324.721.447
Điều chỉnh nguyên giá theo quyết toán dự án	(15.498.487.639)	(4.657.320.278)	(399.871.710)	-	-	(20.555.679.627)
Thanh lý	-	-	(6.010.777.885)	(114.840.909)	-	(6.125.618.794)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.332.328.271.354</b>	<b>1.235.843.352.719</b>	<b>163.016.426.109</b>	<b>11.770.225.176</b>	<b>1.010.875.210</b>	<b>2.743.969.150.568</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	183.818.381.711	211.188.719.265	65.028.303.294	7.174.868.671	844.605.034	468.054.877.975
Khấu hao trong năm	48.273.795.025	65.102.537.505	15.048.145.019	938.144.375	107.080.841	129.469.702.765
Thanh lý	-	-	(5.770.431.111)	(114.840.909)	-	(5.885.272.020)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>232.092.176.736</b>	<b>276.291.256.770</b>	<b>74.306.017.202</b>	<b>7.998.172.137</b>	<b>951.685.875</b>	<b>591.639.308.720</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	1.163.863.177.282	992.714.103.194	94.682.101.501	2.196.957.497	109.070.176	2.253.565.409.650
Số dư cuối năm	1.100.236.094.618	959.552.095.949	88.710.408.907	3.772.053.039	59.189.335	2.152.329.841.848

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có tài sản có nguyên giá 29.153 triệu VND (1/1/2022: 30.227 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.033.416 triệu VND (1/1/2022: 2.164.231 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 22).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	1.108.070.000	1.598.400.000	2.706.470.000
Tăng trong năm	-	71.664.000	71.664.000
Số dư cuối năm	1.108.070.000	1.670.064.000	2.778.134.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	602.324.653	602.324.653
Khấu hao trong năm	-	331.743.603	331.743.603
Số dư cuối năm	-	934.068.256	934.068.256
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	1.108.070.000	996.075.347	2.104.145.347
Số dư cuối năm	1.108.070.000	735.995.744	1.844.065.744

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 110 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 110 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.



#### 14. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Khu văn phòng tại Chung cư Nàng Hương VND	Khu văn phòng tại Chung cư Mỹ Đình Plaza VND	Khu văn phòng tại Chung cư PCC1 Hà Đông Complex VND	Khu văn phòng tại Chung cư Mỹ Đình Plaza 2 VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	11.076.525.175	90.477.826.874	24.269.520.970	-	125.823.873.019
Chuyển từ xây dựng dở dang	-	-	-	85.886.865.376	85.886.865.376
Số dư cuối năm	11.076.525.175	90.477.826.874	24.269.520.970	85.886.865.376	211.710.738.395
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	4.500.492.554	30.691.661.320	5.345.943.778	-	40.538.097.652
Khấu hao trong năm	398.779.182	4.372.488.545	970.780.835	865.927.846	6.607.976.408
Số dư cuối năm	4.899.271.736	35.064.149.865	6.316.724.613	865.927.846	47.146.074.060
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	6.576.032.621	59.786.165.554	18.923.577.192	-	85.285.775.367
Số dư cuối năm	6.177.253.439	55.413.677.009	17.952.796.357	85.020.937.530	164.564.664.335

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
Số dư đầu năm	3.104.884.127	4.456.563.367
Tăng trong năm	140.842.136.261	40.210.527.607
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(41.324.721.447)	(31.779.188.977)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(85.886.865.376)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.040.000.000)	-
Biến động khác	(7.835.878.545)	(9.783.017.870)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.859.555.020</b>	<b>3.104.884.127</b>

Số dư xây dựng cơ bản dở dang tại ngày cuối năm thể hiện chi phí triển khai tài sản cố định hữu hình của Công ty.

## 16. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa tài sản VND	Chi phí giải phóng mặt bằng (*) VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.898.974.345	5.485.786.711	34.033.260.879	8.999.883.492	50.417.905.427
Tăng trong năm	2.642.036.708	4.998.240.216	-	36.434.246.584	44.074.523.508
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	1.040.000.000	1.040.000.000
Phân bổ trong năm	(2.146.647.045)	(4.145.728.522)	(634.476.060)	(17.959.099.305)	(24.885.950.932)
Số dư cuối năm	2.394.364.008	6.338.298.405	33.398.784.819	28.515.030.771	70.646.478.003

(\*) Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Sông Nhiệm 4 được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng. Cụ thể như sau:

Công trình	Thông báo	Số tiền được trừ (VND)
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 1	Thông báo số 892/TB-CT ngày 24/11/2016	11.413.476.782
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3	Thông báo số 849/TB-CT ngày 21/8/2017	10.061.418.000
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3A	Thông báo số 798/TB-CT ngày 7/8/2017	668.410.942
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1216/TB-CT ngày 10/12/2019	7.806.445.192
	Thông báo số 1150/TB-CT ngày 11/11/2019	787.719.391
Công trình Thủy điện Sông Nhiệm 4	Quyết định số 373/QĐ-CT ngày 3/6/2020	549.384.183
	Quyết định số 569/QĐ-CT ngày 3/8/2020	5.174.745.600

Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đã được bù trừ với tiền thuê đất Công ty phải trả hàng năm trong các năm trước là 2.428.339.211 VND.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**17. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vestas Asia Pacific A/S	-	232.603.917.960
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	121.246.453.021	135.871.938.419
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	141.177.753.552	112.282.778.903
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	88.085.345.260	66.264.776.820
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	26.694.392.913	71.878.835.080
Phải trả các đối tượng khác	650.579.890.846	850.035.358.915
	<b>1.027.783.835.592</b>	<b>1.468.937.606.097</b>

**(b) Phải trả người bán là bên liên quan**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	121.246.453.021	135.871.938.419
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	141.177.753.552	112.282.778.903
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc	-	51.994.331.177
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai	52.958.253.387	34.621.872.743
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	9.659.047.242	31.543.003.077
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ	19.501.812.125	29.169.591.393
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	5.187.209.775	13.606.068.540
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông	2.661.575.593	13.263.781.252
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	3.148.893.698	12.715.520.095
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	10.999.999.999	-
Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương	125.794.983	1.443.017.717
Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	-	18.569.818
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Phát	9.192.724	9.192.724
<b>Công ty con cấp 2</b>		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên - công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	-	8.654.481.941
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	-	29.839.440.038
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	7.945.184.200	31.615.331

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Thí nghiệm điện ETIK - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	3.441.613.026	-
	378.062.783.325	475.065.203.168

**18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	11.766.678.443	19.295.098.521
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	4.082.901.061	10.761.498.061
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	2.203.165.757	24.692.908.478
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Hạ tầng Western Pacific	87.260.088.143	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	83.740.909.091	-
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	71.515.453.438	-
Ban Quản lý Dự án lưới Điện Thành phố Hồ Chí Minh	14.258.152.880	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông	13.712.814.748	-
Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển Công nghệ Thông tin	-	28.171.359.760
Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực	-	7.109.775.474
Các khách hàng khác	8.304.761.322	10.949.986.186
	296.844.924.883	100.980.626.480

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	18.281.789.558	164.053.895.587	(175.614.781.323)	6.720.903.822
Thuế xuất nhập khẩu	-	672.699.845	(672.699.845)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.930.875.320	105.394.670.107	(51.352.345.098)	55.973.200.329
Thuế thu nhập cá nhân	106.122.346	11.970.469.266	(11.969.103.774)	107.487.838
Thuế tài nguyên	1.393.046.736	39.236.051.060	(39.224.146.051)	1.404.951.745
Thuế nhà đất	-	3.596.080.790	(3.596.080.790)	-
Thuế nhà thầu	-	1.184.727.105	(1.184.727.105)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.372.135.192	48.022.161.361	(48.999.686.677)	2.394.609.876
	25.083.969.152	374.130.755.121	(332.613.570.663)	66.601.153.610

(\*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm thể hiện tổng số thuế giá trị gia tăng phải nộp sau khi đã bù trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ hàng tháng.

**20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí trích trước cho các công trình xây lắp	121.923.110.882	321.589.580.364
Chi phí trích trước cho các công trình thủy điện hoàn thành	9.058.565.288	40.843.624.360
Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng	53.873.727.957	19.326.441.726
Chi phí trích trước quản lý vận hành các nhà máy thủy điện	2.339.710.596	-
	187.195.114.723	381.759.646.450



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
Lãi vay phải trả các công ty liên quan	8.593.620.080	13.295.674.197
Phải trả tiền bảo trì dự án bất động sản	961.753.395	10.154.475.844
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	940.220.886	6.900.185.277
Kinh phí công đoàn	87.422.438	481.695.158
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.309.395.357	4.179.452.431
	<hr/>	<hr/>
	14.892.412.156	35.011.482.907

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a) **Vay ngắn hạn**

	1/1/2022 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2022 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	2.055.640.530.914	5.080.229.831.854	(4.369.258.024.901)	2.766.612.337.867
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	78.074.000.000	95.448.000.000	(78.074.000.000)	95.448.000.000
	2.133.714.530.914	5.175.677.831.854	(4.447.332.024.901)	2.862.060.337.867



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>Công ty con</b>			
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	VND	-	98.700.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	VND	-	3.000.000.000
<b>Các bên khác</b>			
Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	VND	138.893.055.823	-
Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Hà Nội	VND	436.326.026.864	497.843.841.474
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	147.823.804.361	487.562.337.967
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An	VND	1.128.879.617.792	654.496.562.386
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	562.870.172.288	308.994.286.515
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch	VND	240.898.438.134	5.043.502.572
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	110.921.222.605	-
		<b>2.766.612.337.867</b>	<b>2.055.640.530.914</b>

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn vay từ sáu đến chín tháng và không có tài sản bảo đảm.

**(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn**

	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
Vay dài hạn (i)	1.909.052.759.089	1.659.771.027.986
Trái phiếu (ii)	1.179.165.749.777	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))	(95.448.000.000)	(78.074.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<b>2.992.770.508.866</b>	<b>1.581.697.027.986</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(i) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn sổ dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tài sản bảo đảm	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Công ty con</b>						
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	VND	3%	2023	Tín chấp	111.000.000.000	140.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	VND	3%	2023	Tín chấp	10.350.371.918	20.350.371.918
<b>Các bên khác</b>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	VND	Lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ Chương trình Phát triển Năng lượng Tái tạo của Ngân hàng Thế giới	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1	428.768.395.700	451.968.395.700
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3	346.709.898.607	394.709.898.607
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2032	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lạc B	335.082.568.179	335.145.172.810
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A	152.212.523.972	159.212.523.972
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2033	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Sông Nhiệm 4	160.000.000.000	158.384.664.979
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	VND	9%	2025	Tín chấp	364.929.000.713	-
					1.909.052.759.089	1.659.771.027.986

Khoản vay dài hạn từ một số ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản cố hữu hình có giá trị còn lại là 2.033.416 triệu VND (1/1/2022: 2.164.231 triệu VND) (Thuyết minh 12).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(ii) Trái phiếu thường**

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
Lô 1	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2027	300.000.000.000	-
Lô 2	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2027	900.000.000.000	-
Chi phí phát hành trái phiếu				(20.834.250.223)	-
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				1.179.165.749.777	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, trái phiếu được bảo đảm bởi một số cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 do một số cá nhân có liên quan nắm giữ và một số cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc do Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 sở hữu.

Mục đích phát hành trái phiếu dài hạn là để đầu tư vào lĩnh vực phát triển bất động sản khu công nghiệp thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Western Pacific từ các cổ đông hiện hữu và mua cổ phần phát hành mới, bao gồm cả việc bù đắp nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đã sử dụng để thực hiện giao dịch này; và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	101.549.681.225	86.340.357.372
Trích lập trong năm	40.800.767.447	34.020.927.825
Sử dụng trong năm	(33.440.567.348)	(18.811.603.972)
Số dư cuối năm	108.909.881.324	101.549.681.225

**24. Các khoản dự phòng**

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	<b>Dự phòng bảo hành công trình xây dựng</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm và cuối năm	4.370.152.063



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2021</b>	1.911.881.590.000	711.136.556.786	(4.320.000)	150.234.491.671	64.632.444.542	1.097.252.251.516	3.935.133.014.515
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	310.925.225.021	310.925.225.021
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	47.797.039.750	-	(47.797.039.750)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(34.020.927.825)	(34.020.927.825)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	382.369.490.000	-	-	-	-	(382.369.490.000)	-
Tăng vốn góp theo chương trình ESOP	57.345.410.000	-	4.320.000	-	-	-	57.349.730.000
<b>Số dư tại ngày 1/1/2022</b>	2.351.596.490.000	711.136.556.786	-	198.031.531.421	64.632.444.542	943.990.018.962	4.269.387.041.711
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	667.920.895.175	667.920.895.175
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	15.546.261.251	-	(15.546.261.251)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(40.800.767.447)	(40.800.767.447)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	352.733.530.000	-	-	-	-	(352.733.530.000)	-
Thủ lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(3.685.000.000)	(3.685.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	2.704.330.020.000	711.136.556.786	-	213.577.792.672	64.632.444.542	1.199.145.355.439	4.892.822.169.439

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 20 tháng 4 năm 2022, Công ty trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 với số tiền là 15.546.261.251 VND.

Đại hội đồng Cổ đông cũng đã thông qua phương án phân phối cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ bằng 15% vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tương đương 352.733.530.000 VND.

**26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	270.433.002	2.704.330.020.000	235.159.649	2.351.596.490.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	270.433.002	2.704.330.020.000	235.159.649	2.351.596.490.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	270.433.002	2.704.330.020.000	235.159.649	2.351.596.490.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.496.698.529	3.184.060.559
Trên một năm đến năm năm	13.909.003.732	12.736.242.236
	<b>17.405.702.261</b>	<b>15.920.302.795</b>

**(b) Ngoại tệ**

		<b>31/12/2022</b>		<b>1/1/2022</b>
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
Đô la Mỹ	4.343	101.445.379	36.833	832.122.322

**28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Doanh thu hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện	4.854.526.840.501	10.366.003.858.778
Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp	-	89.843.955.554
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	15.707.706.635	13.193.068.056
Doanh thu bán điện	561.234.446.403	450.707.130.101
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	997.290.682.752	1.469.171.077.348
Doanh thu khác	18.919.893.548	20.759.680.044
	<b>6.447.679.569.839</b>	<b>12.409.678.769.881</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
Giá vốn hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện	4.191.575.895.434	10.278.035.495.110
Giá vốn hoạt động sản xuất công nghiệp	-	79.132.420.885
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	8.596.993.313	7.090.517.682
Giá vốn bán điện	235.910.477.629	210.040.210.599
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư	973.894.784.944	1.443.344.764.940
Giá vốn khác	18.409.143.251	16.452.366.170
	<b>5.428.387.294.571</b>	<b>12.034.095.775.386</b>

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay và lãi trả chậm	74.478.622.766	58.437.610.887
Cổ tức, lợi nhuận được chia	110.099.019.762	93.837.185.557
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.830.471.307	10.634.976.869
Lãi do chuyển nhượng vốn	275.400.561	-
	<b>187.683.514.396</b>	<b>162.909.773.313</b>

**31. Chi phí tài chính**

	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
Lãi tiền vay	307.826.610.177	205.966.486.400
Chi phí phát hành trái phiếu	3.111.204.322	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.027.228.774	323.123.410
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	316.790.666	989.726.513
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	787.237.329	(82.957.172.690)
Chi phí chuyển nhượng vốn	3.788.757.107	-
	<b>320.857.828.375</b>	<b>124.322.163.633</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí bán hàng**

	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.977.765.765	12.606.162.999
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	-	(2.987.311.284)
Chi phí bán hàng khác	88.647.066	-
	<b>9.066.412.831</b>	<b>9.618.851.715</b>

**33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	5.205.936.617	3.994.678.847
Chi phí nhân công	68.575.204.752	41.066.307.923
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.897.877.330	2.881.911.885
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(1.290.688.232)	249.965.915
Thuế, phí, lệ phí	2.098.728.354	776.514.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.781.365.613	14.075.250.132
Chi phí khác bằng tiền	9.179.688.348	13.892.105.739
	<b>109.448.112.782</b>	<b>76.936.734.852</b>

**34. Thu nhập khác**

	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
Hoàn nhập bảo hành công trình xây lắp	-	2.891.526.650
Lãi từ thanh lý tài sản	1.528.180.500	3.350.646.588
Thu nhập khác	12.615.930.580	13.514.250.099
	<b>14.144.111.080</b>	<b>19.756.423.337</b>

**35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	1.450.635.354.250	1.972.258.865.299
Chi phí nhân công	83.285.760.651	90.252.603.704
Chi phí khấu hao tài sản và phân bổ	136.409.422.776	132.074.359.226
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.963.129.518.952	8.346.848.500.669
Chi phí khác	54.255.440.297	136.342.607.821
	<b>4.687.715.496.926</b>	<b>10.677.776.936.719</b>

**36. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	105.122.351.228	25.434.145.666
Dự phòng thiếu trong những năm trước	272.318.879	2.549.237.878
	<b>105.394.670.107</b>	<b>27.983.383.544</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	773.315.565.282	338.908.608.565
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	154.663.113.056	67.781.721.713
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.860.707.277	2.291.393.131
Thu nhập không bị tính thuế	(22.019.803.952)	(18.767.437.111)
Ưu đãi thuế	(28.453.314.127)	(25.871.532.067)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	272.318.879	2.549.237.878
Khác	(928.351.026)	-
	<b>105.394.670.107</b>	<b>27.983.383.544</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 1, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến 2029).

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2020 đến 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2021 đến 2024) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2025 đến 2033).

**37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
<b>Công ty con</b>		
<b><i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam</i></b>		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	1.306.652.790	341.062.108
Mua dịch vụ xây lắp	334.583.134.744	372.534.261.559
Lợi nhuận được chia	2.500.000.000	2.500.000.000
Chuyển nhượng đầu tư vào công ty con	6.760.812.315	-
<b><i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ</i></b>		
Doanh thu cho thuê	340.106.091	238.528.865
Doanh thu bán hàng hóa	10.820.817.222	-
Mua dịch vụ xây lắp	160.887.786.997	171.736.399.326
Lợi nhuận được chia	500.000.000	500.000.000
<b><i>Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh</i></b>		
Doanh thu bán tài sản cố định	-	2.710.804.003
Doanh thu dịch vụ xây lắp	79.740.000	-
Mua dịch vụ xây lắp	70.496.755.825	200.610.250.456
Lợi nhuận được chia	9.226.338.660	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình</i></b>		
Doanh thu bán hàng hóa	-	428.164.983
Doanh thu cho thuê	7.852.444.877	457.313.850
Mua dịch vụ xây lắp	240.363.894.246	480.371.310.952
Lợi nhuận được chia	1.121.546.065	1.500.000.000
Góp vốn	15.000.000.000	-
Chuyển nhượng đầu tư vào công ty con	10.275.400.561	-
<b><i>Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương</i></b>		
Doanh thu cho thuê	1.619.987.095	1.423.885.632
Mua hàng hóa	2.084.108.406	1.783.048.590
<b><i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai</i></b>		
Doanh thu dịch vụ	11.651.695.000	-
Doanh thu cho thuê	-	148.640.465
Mua dịch vụ xây lắp	183.134.560.075	281.921.469.971
Lợi nhuận được chia	500.000.000	500.000.000
<b><i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc</i></b>		
Doanh thu dịch vụ	2.704.574.899	85.700.398
Doanh thu cho thuê	-	161.930.121
Mua dịch vụ xây lắp	58.501.618.517	241.910.835.289
Cổ tức được chia	1.023.600.960	1.023.600.960
<b><i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông</i></b>		
Doanh thu bán hàng hóa	-	569.741.354
Doanh thu cho thuê	79.637.771	110.827.684
Mua dịch vụ xây lắp	23.530.554.558	150.706.570.248
Lợi nhuận được chia	-	594.287.432
<b><i>Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu</i></b>		
Doanh thu cho thuê	67.526.580	67.526.576
Cổ tức được chia	40.200.000.000	25.800.000.000
<b><i>Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam</i></b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	231.709.092	231.709.092
Cổ tức được chia	433.500.000	382.500.000
<b><i>Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình</i></b>		
Lãi vay	-	677.260.274
Vay	-	337.063.200.000
Chi phí lãi vay	323.661.843	3.950.019.288
Cổ tức được chia	3.563.931.000	42.449.000.000



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	95.301.816	95.301.820
Chi phí lãi vay	-	1.962.958.027
Vay	-	87.733.300.000
Cổ tức được chia	29.817.000.000	8.845.710.000
<b>Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	-	773.754.944
Mua hàng hóa	35,484,488,638	104.848.060.726
Cổ tức được chia	5.094.900.000	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc</b>		
Doanh thu dịch vụ tư vấn	2.712.000.000	865.977.273
Cổ tức được chia	11.678.975.272	6.884.985.423
<b>Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập</b>		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	64.720.521.806	1.337.208.755.101
Cho vay	12.372.900.000	12.372.900.000
Lãi cho vay và lãi trả chậm	878.291.130	7.011.137.936
Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc	776.301.450	277.963.995
<b>Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy</b>		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	48.488.593.431	1.439.098.669.867
Cho vay	17.489.339.150	49.073.100.000
Lãi cho vay và lãi trả chậm	3.622.333.766	4.730.990.289
Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc	3.315.223.748	1.081.850.051
<b>Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên</b>		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	76.564.842.774	1.404.403.205.371
Cho vay	17.489.339.150	49.073.100.000
Lãi cho vay và lãi trả chậm	3.622.333.767	2.069.502.006
Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc	3.315.223.749	1.081.850.051
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ</b>		
Vay	-	16.000.000.000
Lãi cho vay	61.890.411	145.315.068
Mua hàng hóa	45.871.931.580	222.047.597.008
Cổ tức được chia	306.000.000	765.000.000
<b>Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát</b>		
Cho vay	21.000.000.000	75.000.000.000
Lãi cho vay	6.008.097.379	2.997.242.858
Bao gồm lãi cho vay nhập gốc	4.772.496.378	1.228.767.123
Doanh thu dịch vụ xây lắp	3.347.112.037	-
Góp vốn	130.587.600.000	-



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ</i></b>		
Cho vay	22.000.000.000	-
Vay	-	1.000.000.000
Chi phí lãi vay	1.169.556.165	3.014.506.850
Doanh thu dịch vụ xây lắp	790.227.273	-
Lãi cho vay	378.520.548	-
<b><i>Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại</i></b>		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	3.441.745.063	-
Vay	-	143.000.000.000
Chi phí lãi vay	3.989.178.082	564.246.575
<b><i>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm</i></b>		
Cho vay	15.000.000.000	-
Lãi cho vay	304.109.589	-
<b><i>Công ty con cấp 2</i></b>		
<b><i>Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên –</i></b>		
<b><i>công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép</i></b>		
<b><i>Đông Anh</i></b>		
Cho vay	-	16.302.693.400
Lãi cho vay	2.029.319.669	534.192.364
Doanh thu bán hàng hóa	55.620.000	91.612.607.704
Mua hàng hóa	13.134.589.797	40.071.956.040
Doanh thu bán tài sản cố định	540.909.091	-
<b><i>Công ty Cổ phần Thí nghiệm điện ETIK - công ty</i></b>		
<b><i>con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1</i></b>		
<b><i>- Mỹ Đình</i></b>		
Mua hàng hóa	4.751.438.417	-
<b><i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm -</i></b>		
<b><i>công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1</i></b>		
<b><i>- Miền Nam</i></b>		
Doanh thu bán hàng hóa	6.185.406.158	794.818.534
Doanh thu cho thuê	-	381.204.486
Mua dịch vụ xây lắp	84.646.130.205	73.411.593.241
Thoái vốn	10.549.569.422	-
Lợi nhuận được chia	-	1.054.956.942

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình – công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình</b>		
Cho vay	-	5.000.000.000
Doanh thu cho thuê	66.049.030	67.666.756
Doanh thu bán hàng hóa	1.514.151.740	-
Mua dịch vụ xây lắp	10.050.141.303	137.408.447.032
Lãi cho vay	359.178.082	-
Lợi nhuận được chia	4.123.941.605	1.000.000.000
Thoái vốn	10.000.000.000	-
<b>Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Trịnh Văn Tuấn	5.557.000.000	5.790.103.918
Ông Vũ Ánh Dương	345.000.000	60.000.000
Ông Võ Hồng Quang	345.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Minh Đệ	345.000.000	60.000.000
Ông Mai Lương Việt	345.000.000	60.000.000
<b>Lương, thưởng và phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc</b>		
Ông Vũ Ánh Dương	1.965.165.439	1.847.116.341
Ông Võ Hồng Quang	1.449.997.571	1.450.679.353
Ông Nguyễn Minh Đệ	1.131.850.000	968.159.000
Ông Đặng Quốc Tường	1.816.681.299	1.563.087.006
Ông Nguyễn Nhật Tân	1.130.577.650	1.170.192.639
Ông Vũ Văn Tứ	52.165.000	807.320.000
Ông Lê Thanh Nghị	-	422.309.784
<b>Thù lao của Ban Kiểm soát</b>		
Bà Nguyễn Thị Hải Hà	72.000.000	72.000.000
Ông Hoàng Văn Cường	24.000.000	24.000.000
Ông Hoàng Văn Sáng	24.000.000	24.000.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	352.733.530.000	382.369.490.000
Lãi cho vay nhập gốc	12.179.245.325	3.670.431.220
Tăng đầu tư vào công ty con thông qua bù trừ khoản phải thu	4.724.599.439	-
Tăng đầu tư vào một công ty con thông qua chuyển khoản đầu tư vào một công ty con khác	10.275.400.561	-
Bù trừ phải thu về cho vay và phải trả người bán	2.000.000.000	-
Chuyển khoản phải trả mua công ty con thành khoản vay	-	120.000.000.000
Bù trừ lãi cho vay với khoản mua công ty con	-	619.426.602
Bù trừ khoản phải thu rút vốn khỏi công ty con với khoản vay công ty con	-	125.633.300.000
Bù trừ khoản phải thu rút vốn khỏi công ty con với lãi vay phải trả	-	4.983.532.002
Bù trừ phải thu cổ tức được chia với khoản vay công ty con	-	38.812.828.082

**39. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**30-03-2023**

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình  
Người lập biểu

Người duyệt:



Trần Thị Minh Việt  
Kế toán trưởng



Vũ Anh Dương  
Tổng Giám đốc